

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế-Luật)

- Tên chương trình: **Cử nhân Kinh tế - Chương trình chất lượng cao**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Tài chính-Ngân hàng** – Mã ngành: **52.34.02.01**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Chủ nhiệm ngành: **TS. Nguyễn Anh Phong**

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

- ✓ Đào tạo Cử nhân kinh tế ngành tài chính-ngân hàng nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội và chuyên sâu về tài chính-ngân hàng;
- ✓ Có phẩm chất đạo đức, khả năng tư duy tốt và có đầy đủ các kỹ năng cần thiết nhằm tự phát triển và vận dụng kiến thức được học để nghiên cứu, phân tích, hoạch định, giải quyết vấn đề, ra quyết định phục vụ cho công việc tác nghiệp, lãnh đạo, quản lý hiệu quả trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.
- ✓ Tài chính-ngân hàng là lĩnh vực chuyên môn rộng trên cả hai hướng tài chính doanh nghiệp và ngân hàng vì vậy quá trình đào tạo nhắm đến mục tiêu trang bị kiến thức chung về ngành tài chính-ngân hàng bao quát và tổng hợp cả hai hướng đã nêu thông qua các môn học khối kiến thức chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành chính).
- ✓ Mỗi sinh viên có thể lựa chọn hướng chuyên sâu thông qua một số môn học tự chọn nhằm trang bị thêm một số kiến thức chuyên biệt riêng của chuyên môn sâu về tài chính công ty hoặc ngân hàng. Tuy nhiên, sự khác biệt này là không quá lớn bởi lẽ hai hướng chuyên môn sâu đã nêu đều dựa trên nền tảng chung và giữa các chuyên môn sâu này vẫn có những kiến thức đan xen và bổ trợ lẫn nhau. Mặt khác, sự không khác biệt quá lớn này cũng nhằm giúp sinh viên có thể dễ dàng

thích ứng với môi trường công việc đa năng, chuyển đổi hướng chuyên sâu sau khi ra trường do sự đòi hỏi của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể (chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo)

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo ngành tài chính-ngân hàng là nhằm đảm bảo cho sinh viên có được nền tảng kiến thức cơ bản vững vàng về kinh tế và kiến thức chuyên môn về tài chính-ngân hàng tốt, kỹ năng tư duy nhạy bén, kỹ năng thực hành thành thạo, thái độ ứng xử chuyên nghiệp và nhiều cơ hội làm việc ở các tổ chức tài chính-ngân hàng hàng đầu, đáp ứng đầy đủ các chuẩn đầu ra sau đây:

1.2.1. Kiến thức chung về kinh tế-xã hội (A)

- A1. Có hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức của ngành tài chính-ngân hàng;
- A2. Có hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học xã hội làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức của ngành tài chính-ngân hàng.

1.2.2. Kiến thức chuyên môn sâu về tài chính-ngân hàng (B)

- B1. Có đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về thị trường tài chính, đầu tư tài chính, quản trị tài chính;
- B2. Có đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về chính sách tài khóa, chính sách công, quản lý ngân sách nhà nước;
- B3. Có đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương, quản trị các trung gian tài chính.

1.2.3. Kỹ năng thực hành chuyên môn nghiệp vụ tài chính-ngân hàng bao gồm cả kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong chuyên ngành tài chính-ngân hàng (C)

- C1. Có kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, hoạch định và giải quyết vấn đề liên quan đến chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ;
- C2. Có kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, giải quyết vấn đề liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công, quản lý chi tiêu công;
- C3. Có kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, giải quyết vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng, quản trị các trung gian tài chính phi ngân hàng và quản trị tài chính các loại hình doanh nghiệp để trở

thành chuyên gia ở các vị trí: phân tích tài chính, phân tích đầu tư, phân tích chứng khoán, phân tích tín dụng, quản lý danh mục đầu tư, quản lý nguồn vốn, ngân hàng quốc tế.

1.2.4. Kỹ năng tư duy sáng tạo và khả năng nghiên cứu (D)

- D1. Có kỹ năng tìm kiếm, thu thập số liệu, dữ liệu và sử dụng thành thạo các công cụ để nghiên cứu, tính toán, phân tích nhận diện vấn đề, tổng hợp, đánh giá, giải quyết vấn đề và ra quyết định;
- D2. Có khả năng tổng hợp, hệ thống hóa mang tính logic cao và phát triển vấn đề, hoạch định, tổ chức công việc chuyên môn mang tính sáng tạo;
- D3. Có khả năng làm việc độc lập và tư duy phản biện khoa học thực chứng;
- D4. Có khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả.

1.2.5. Kỹ năng giao tiếp (E)

- E1. Có kỹ năng diễn giải vấn đề bằng văn nói và văn viết thành thạo bằng tiếng Việt;
- E2. Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành (TOEIC 600);
- E3. Có kỹ năng thuyết trình hiệu quả trước đám đông;
- E4. Có kỹ năng đàm phán.

1.2.6. Kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác (F)

- F1. Có kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tin;
- F2. Có kỹ năng đặt mục tiêu và tạo động lực làm việc;
- F3. Có kỹ năng lãnh đạo;
- F4. Có kỹ năng lắng nghe với tư duy phản biện;
- F5. Có kỹ năng ứng xử và tạo lập quan hệ;
- F6. Có tinh thần hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm.

1.2.7. Trách nhiệm cá nhân và cộng đồng (G)

- G1. Có đạo đức nghề nghiệp, biết lựa chọn các nội dung mang tính đạo đức để trau dồi học tập và phát triển bản thân;
- G2. Có tinh thần và ý thức trách nhiệm tham gia vào các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng trên phạm vi quốc gia, khu vực và toàn cầu;
- G4. Có khả năng nhận biết và tham gia giải quyết các vấn đề mang tính cộng đồng, xã hội;

G5. Có ý thức và trách nhiệm tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí lực.

1.2.8. Khả năng hội nhập (H)

H1. Có khả năng sống và làm việc trong môi trường có khác biệt về quan điểm chính trị, tôn giáo, văn hóa, tư tưởng;

H2. Có khả năng thích nghi tốt với môi trường mới, sự biến động của môi trường sống và làm việc.

1.2.9. Khả năng học tập suốt đời (I)

I1. Có kỹ năng học, tự học và nghiên cứu;

I2. Có tinh thần ham học hỏi và có khả năng sử dụng công nghệ mới;

I4. Có kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp.

CHUẨN ĐẦU RA		TT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ			A	A	B	B	B	C	C	C	D1	D2	D3	D4	E1	E2	E3	E4	F1	F2	F3	F4	F5	F6	G1	G2	G3		
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	1	2	1	2	3	1	2	3																			
							3	3	4	4	4	4	4	4	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Học kỳ 1	Bắt buộc (16)	1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5				3						3		3																3	
		2	Toán cao cấp	5			3																										
		3	Kinh tế vi mô 1	3				3																									
		4	Lý luận nhà nước và pháp luật	3				3																						3			
	Tự chọn (2)	5	Tâm lý học đại cương	2				3														3											
		6	Nhập môn ngành tài chính-ngân hàng	2					3	3	3																						
		7	Nhập môn khoa học giao tiếp	2				3											3			3	3			3							
Học kỳ 2	Bắt buộc (14)	1	Lý thuyết xác suất	2																													
		2	Quản trị học căn bản	3																		3			3								

		3	Kinh tế vĩ mô 1	3						3																												
		4	Nguyên lý kế toán	3							3																											
		5	Luật doanh nghiệp	3							3																											
	<i>Tự chọn (4)</i>	6	Địa chính trị thế giới	2																																		
		7	Quan hệ quốc tế	2													3	3															3					
		8	Xã hội học	2																	3														3			
		9	Văn hóa học	2																															3			
	Học kỳ 3	Bắt buộc (15)	1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3																															3		
			2	Nguyên lý thị trường tài chính	3																																	
3			Thông kê ứng dụng	3																		3																
4			Marketing căn bản	3																																	3	3
5			Kế toán tài chính	3																																		
<i>Tự chọn (2)</i>		6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2																																		3
		7	Kỹ năng làm việc	2																																	3	3

		nhóm																																						
Học kỳ 4	Bắt buộc (15)	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3																							3					3	3					
		2	Kinh tế học quốc tế	2					4		4	4																												
		3	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2										4																										
		4	Tiền tệ - ngân hàng	3							4	4																												
		5	Quản trị tài chính	3				4					4																											
		6	Thuế	3						4			4																											
	Tự chọn (3)	7	Tin học ứng dụng	3			3																																	
		8	Kinh tế lượng	3			4																																	
Học kỳ 5	Bắt buộc (14)	1	Quản trị tài chính nâng cao	3				4				4																												
		2	Ngân hàng thương mại	3							4	4																												
		3	Tài chính công	3							4			4																										
		4	Quản trị chiến lược	3													4		4																					
		5	Tài chính định lượng	2																																				
	Tự chọn	6	Trung gian tài chính	3																																				

	(6)	7	phi ngân hàng Tài chính cá nhân	3															4	4											
		8	Phân tích chứng khoán	3						4																					
		9	Đạo đức trong kinh doanh TCNH	3																							4	4	4		
Học kỳ 6	Bắt buộc (17)	1	Ngân hàng đầu tư	2				4				4																			
		2	Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ	3						4			4																		
		3	Phân tích tài chính theo tình huống	3				4					4														4				
		4	Ngân hàng thương mại nâng cao	3									4																		
		5	Đầu tư tài chính	3				4	4	4	4		4								3								4		
		6	Kế toán ngân hàng	3								4		4	4																
Học kỳ 7	Bắt buộc (6)	1	Quản trị ngân hàng	3																											
		2	Tài chính quốc tế	3								4	4																		
	Tự	3	Thẩm định	3								4																			

Học kỳ 8	Chọn (6)	4	tín dụng																																			
			Quản trị rủi ro tài chính - ngân hàng	3				4		4																												
			Tài chính hành vi	3				4					4																									
			Kiểm toán	3									4																						4			
			Thực tập tốt nghiệp	6												4			4			4																
			Khóa luận tốt nghiệp	4									4									4																

1.3. Cơ hội nghề nghiệp (vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp)

Với chuẩn đầu ra được xây dựng khoa học phục vụ cho tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Khoa Tài chính-Ngân hàng, sinh viên tốt nghiệp ngành tài chính-ngân hàng thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công việc và phát triển nghề nghiệp với tư cách là chuyên gia toàn diện trong ngành tài chính-ngân hàng.

Sinh viên tốt nghiệp ngành tài chính-ngân hàng có đủ khả năng để làm ở cả hai chuyên ngành hẹp: tài chính (ngân hàng đầu tư, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty bảo hiểm, doanh nghiệp phi tài chính, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, đầu tư, .v.v.); và ngân hàng (các tổ chức tài chính quốc tế như IMF, WB, ADB, ngân hàng thương mại, công ty cho thuê tài chính, công ty mua bán nợ, .v.v.) với các vị trí công việc chuyên môn đa dạng từ nhà môi giới, phân tích chứng khoán, phân tích đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư, quản lý tài chính ở doanh nghiệp phi tài chính, quản lý tín dụng, quản lý nguồn vốn, kinh doanh ngoại tệ, quản lý ngân quỹ, quản lý thuế, .v.v. cho đến các vị trí cao cấp như chiến lược gia tài chính, nhà hoạch định chính sách tài khóa, hoạch định chính sách tiền tệ và quản lý vĩ mô, quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành và các cơ quan nghiên cứu khác có liên quan.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (chưa bao gồm phần kiến thức ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất). Cụ thể:

- ✓ Khối kiến thức chung toàn trường: 36 tín chỉ
- ✓ Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 20 tín chỉ
- ✓ Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành: 12 tín chỉ
- ✓ Khối kiến thức ngành và chuyên ngành: 52 tín chỉ
- ✓ Thực tập và khoá luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

Ngoài ra, phần kiến thức ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất cụ thể như sau:

- Khối kiến thức ngoại ngữ (tiếng Anh thương mại): 20 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục thể chất: 5 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục quốc phòng: 11 tín chỉ.

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quyết định số 87/QĐ-ĐHQG ngày 24/02/2017 của ĐHQG-HCM về việc ban hành quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của ĐHQG-HCM; Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/4/2017 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành quy chế đào tạo đại học; Quyết định số 998/QĐ-ĐHKTL ngày 27/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ.

6. Thang điểm:

Điểm môn học tính theo thang điểm 10 làm tròn đến 0,5 điểm;

Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa là điểm trung bình trọng số của tất cả các môn học (không tính ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất) được làm tròn đến 2 chữ số thập phân).

7. Nội dung chương trình:

7.1. Khối kiến thức cơ bản (26 tín chỉ)

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ
		Các môn học bắt buộc	20
1	GEN1001	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin	5
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2
5	MAT1001	Toán cao cấp	5
6	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3
		Các môn học tự chọn	6
7	FIN1100	Nhập môn tài chính ngân hàng	2
8	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2
9	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2
10	GEN1106	Xã hội học	2
11	GEN1105	Văn hoá học	2
12	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2
13	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2

7.2. Khối kiến thức cơ sở ngành (36 tín chỉ)

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ
		Các môn học bắt buộc	31

1	MAT1003	Thông kê ứng dụng	3
2	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3
3	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3
4	ECO1002	Kinh tế học vĩ mô 1	3
5	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3
6	BUS1100	Quản trị học căn bản	3
7	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3
8	BUS1200	Marketing căn bản	3
9	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2
10	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2
11	BUS1105	Quản trị chiến lược	3
		Các môn tự chọn	5
12	ECO1003	Phương pháp NCKH	2
13	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2
14	MAT1004	Kinh tế lượng	3
15	MIS1004	Tin học ứng dụng	3

7.2. Khối kiến thức chuyên ngành (58 tín chỉ)

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ
		Các môn học bắt buộc	46
1	FIN1102	Quản trị tài chính	3
2	FIN1201	Tiền tệ-Ngân hàng	3
3	FIN1107	Tài chính định lượng	2
4	FIN1104	Thuế	3
5	FIN1103	Tài chính công	3
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3
7	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3
8	FIN1204	Ngân hàng đầu tư	2
9	FIN1202	Tài chính quốc tế	3
10	FIN1105	Đầu tư tài chính	3
11	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3
12	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3
13	FIN1205	Kế toán ngân hàng	3
14	FIN1209	Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ	3
15	FIN1108	Phân tích tài chính theo tình huống	3
16	ACC1023	Kế toán tài chính	3
		Tự chọn chuyên sâu	12
17	FIN1211	Thẩm định tín dụng	3
18	FIN1210	Trung gian tài chính phi ngân hàng	3
19	FIN1301	Đạo đức trong kinh doanh TCNH	3
21	FIN1111	Tài chính cá nhân	3
22	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3
23	ACC1603	Kiểm toán	3
24	FIN1110	Tài chính hành vi	3

25	FIN1119	Quản trị rủi ro tài chính ngân hàng	3
----	---------	-------------------------------------	---

7.5. Kiến thức bổ trợ: 120 giờ ngoại khóa

Đây là khối kiến thức có được thông qua việc tham gia các khóa học mang tính chất huấn luyện, các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động xã hội và các hoạt động khác có liên quan. Trường không tổ chức giảng dạy chính khóa cho khối kiến thức này. Sinh viên tự chủ động tham gia các hoạt động ngoại khóa do các đơn vị trong và ngoài trường tổ chức và có xác nhận từ đơn vị tổ chức ở một trong các hoạt động sau đây:

- Hoạt động hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm khác.
- Hoạt động hỗ trợ phát triển nhân cách, đạo đức.
- Hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng.

Hàng năm, Khoa công bố danh sách các hoạt động cụ thể và đơn vị tổ chức đủ điều kiện công nhận để sinh viên lựa chọn tham gia.

7.6. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp (10 tín chỉ)

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ
1	FIN1304	Khoá luận tốt nghiệp	6
2	FIN1305	Thực tập tốt nghiệp	4

8. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
		Học kỳ 1 - 18 tín chỉ (Không tính giáo dục thể chất)	18				
1	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3	0		
2	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3	0		
3	GEN1001	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0		
4	MAT1001	Toán cao cấp	5	5	0		
		Môn học tự chọn					
		Chọn 1 trong 3 môn					
5	FIN1100	Nhập môn ngành tài chính ngân hàng	2	1	1		
6	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
7	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2	0		

8	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3				
		Học kỳ 2 - 18 tín chỉ (Không tính giáo dục thể chất &QP)	18				
1	ECO1002	Kinh tế học vĩ mô 1	3	3	0		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3	0		
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3	0		
4	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3	0		
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2	0		MAT1001
		Môn học tự chọn Chọn 1 trong 2 môn					
6	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2	0		
7	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2	0		
		Chọn 1 trong 2 môn					
8	GEN1106	Xã hội học	2	2	0		
9	GEN1105	Văn hoá học	2	2	0		
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	3				
11	GEN1006	Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	165 tiết				
		Học kỳ 3 - 17 tín chỉ	17				
1	BUS1200	Marketing căn bản	3	3	0		
2	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3	0		ECO1002
3	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3	0		MAT1001 MAT1002
4	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0		
5	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3	0		
		Môn học tự chọn Chọn 1 trong 2 môn					
6	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0		
7	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2	0		
		Học kỳ 4 - 21 tín chỉ	21				
1	FIN1102	Quản trị tài chính	3	3	0		FIN1101
2	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
3	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2	0		
4	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2	2	0		
5	FIN1201	Tiền tệ-Ngân hàng	3	3	0		
6	FIN1104	Thuế	3	3	0		ACC1013
7	BUS1105	Quản trị chiến lược	3	3	0		
		Chọn 1 trong 3 môn	3				
7	MAT1004	Kinh tế lượng	3	2	1		MAT1001 MAT1002 MAT1003

8	MIS1004	Tin học ứng dụng	3	2	1	
9	GEN1107	Logic học	3	2	1	
		Học kỳ 5 - 17 tín chỉ	17			
1	FIN1107	Tài chính định lượng	2	2	0	MAT1003
2	FIN1103	Tài chính công	3	3	0	FIN1101
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3	0	FIN1201
4	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3	0	FIN1102
		Môn học tự chọn				
		Tự chọn chuyên sâu (chọn 6 tín chỉ)	6	6	0	
6	FIN1210	Trung gian tài chính phi ngân hàng	3	3	0	
7	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3	0	FIN1101
8	FIN1301	Đạo đức trong kinh doanh TCNH	3	3	0	
9	FIN1111	Tài chính cá nhân	3	3	0	
		Tự chọn chuyên ngành phụ	6			
		Xem phụ lục				
		Học kỳ 6 - 17 tín chỉ	17			
1	FIN1204	Ngân hàng đầu tư	2	2	0	
2	FIN1209	Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ	3	3	0	
3	FIN1108	Phân tích tài chính theo tình huống	3	1	2	FIN1102
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3	0	
5	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3	0	FIN1102
6	FIN1205	Kế toán ngân hàng	3	3	0	FIN1203
		Môn học tự chọn				
		Tự chọn chuyên ngành phụ	6			
		Xem phụ lục				
		Học kỳ 7 - 12 tín chỉ	12			
1	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3	0	FIN1201
2	FIN1202	Tài chính quốc tế	3	3	0	
		Tự chọn chuyên sâu (chọn 6 tín chỉ)	6	6	0	
3	FIN1211	Thẩm định tín dụng	3	3	0	
4	FIN1212	Quản trị rủi ro tài chính ngân hàng	3	3	0	
5	ACC1603	Kiểm toán	3	3	0	ACC1013
6	FIN1110	Tài chính hành vi	3	3	0	
		Học kỳ 8 - 10 tín chỉ	10			
1	FIN1305	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	FIN1102

2	FIN1304	Khoá luận tốt nghiệp	6	6	0		
		Tổng	130				